

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ- ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích

Bà Vương Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H- sinh năm 1993

Trú tại: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Th - sinh năm 1992

Trú tại: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến Th đăng ký kết hôn ngày 14/3/2012 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống với gia đình anh Th tại khu 2, xã Đ. Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, sau đó xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau, do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị và anh Th đã ly thân từ tháng 8/2023, chị về nhà bố mẹ đẻ tại khu 1,

xã Đ sinh sống. Sau khi ly thân, vợ chồng chị không gặp gỡ hay liên lạc gì với nhau. Vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh Th được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 03/7/2017. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu V, để anh Th nuôi cháu P. Hiện nay, chị làm công nhân tại khu công nghiệp PH, thu nhập mỗi tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ triệu đồng, có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Tiến Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Th và cũng không tiến hành hòa giải được.

* Xác minh tại địa phương nơi anh Nguyễn Tiến Th và chị Lê Thị Thu H cư trú, tại biên bản xác minh ngày 24/6/2024, Trưởng khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ và đại diện chính quyền địa phương xã Đ cung cấp như sau:

Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Th đăng ký kết hôn ngày 14/3/2012 tại UBND xã Đ, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh Th về sinh sống cùng gia đình anh Th tại khu 2, xã Đ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau do anh Th chơi bời, có sử dụng chất ma túy. Từ khoảng tháng 8 năm 2023 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H có đơn yêu cầu ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân.

Về con chung, anh Th, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 03/7/2017. Hiện nay, hai cháu đang ở với bố và ông bà nội tại khu 2, xã Đ. Chị H và anh Th có khả năng nuôi con như nhau. Đề nghị Tòa án xử mỗi người nuôi một cháu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2024, ông Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị B (là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến Th) trình bày: Ông bà tổ chức lễ cưới cho chị H, anh Th ngày 14/3/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với gia đình ông bà từ đó đến nay. Quá trình chung sống thì ông bà không thấy anh chị có mâu thuẫn gì. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh Th, quan điểm của ông bà là anh chị không sống được với nhau thì ông bà cũng đồng ý. Về con chung, anh Th và chị H có 02 con chung là: Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 18/10/2013 và

Nguyễn Tiến P, sinh ngày 03/7/2017. Hiện hai cháu đang ở cùng với gia đình ông bà. Sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Nếu Tòa án giao cho anh Th, chị H mỗi người nuôi một con thì gia đình ông bà mong muốn nuôi cháu P, để chị H nuôi cháu V. Anh Th đang đi làm ở HB, thỉnh thoảng có về. Vợ chồng ông bà sẽ hỗ trợ anh Th trong việc nuôi con. Anh Th và chị H không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình. Hiện nay, anh Th không có mặt ở nhà, ông bà đồng ý nhận thay anh Th các văn bản của Tòa án và thông báo ngay cho anh Th biết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử cho chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Th được ly hôn.
- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 18/10/2013; giao cho anh Nguyễn Tiến Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 03/7/2017. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Do Chị Lê Thị Thu H trình bày không có nên không phải giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Tiến Th có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Lê Thị Thu H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Tiến Th. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân

huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Tiến Th mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lần nào có mặt để làm việc, Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 14/3/2012, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Th được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày và kết quả xác minh tại địa phương nơi anh Th, chị H cư trú thì nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vì vậy hay xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Việc gia đình anh Th trình bày không thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì là không đúng thực tế. Chị H và anh Th đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh Th đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 18/10/2013 và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 03/7/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với anh Th và ông bà nội tại khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nguyện vọng của cháu V và cháu P đều muốn ở với ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, thì việc trông nom, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, vì vậy không thể giao các cháu cho ông bà nội nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Xét chị H và anh Th đều có khả năng, điều kiện nuôi con, giao cho mỗi người nuôi 01 con như đề nghị của chị H là hợp tình, hợp lý, vì cháu V là con gái, cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Đề nghị của chị H cũng phù hợp với nguyện vọng của gia đình anh Th.

Do đã giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, nên không cần buộc chị H, anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4]. Chị Lê Thị Thu H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp; các nội dung đó được ông Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Tiến Th xác nhận, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh Th chứng minh vợ chồng có tài sản chung, vay nợ chung và yêu cầu phân chia, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 18/10/2013. Giao cho anh Nguyễn Tiến Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 03/7/2017. Chị H và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Do chị Lê Thị Thu H trình bày không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Tiến Th có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0001939 ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Minh Hòa